

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2025/KDTM-PT**
Ngày: 08/4/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 278/2024/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 762/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3366/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: 11 đường số 2 khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - chức vụ: Chủ tịch (Quốc tịch Trung Quốc);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Mộng Tú T (có mặt).

Địa chỉ: 27/4 đường A, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 30/12/2023);

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần V

Địa chỉ: 1/3 đường T, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1964 - Chức vụ: Giám Đốc (có mặt).

Địa chỉ: 943/21 Ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh C, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 173M/1 Khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn và trong suốt quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần V (gọi tắt là Công ty V) có mua bán hàng hóa với nhau. Vào năm 2018 giữa Công ty B và Công ty V có ký với nhau Hợp đồng kinh tế số 350118/BSC ngày 06/01/2018, thời hạn ký một năm kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2018. Vì tin tưởng và đã làm ăn lâu năm nên Công ty B đã không tiến hành ký kết lại hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hoá giữa hai bên mà chỉ thỏa thuận miệng về cách thức giao, nhận hàng và thời hạn thanh toán. Công ty B nhận cung cấp các loại hàng hóa bao gồm: Keo Acrylic ester copolymer (AR-696B-1); ... cho Công ty V. Công ty B và Công ty V thống nhất với nhau như sau:

- Cách thức giao nhận hàng hóa: Công ty V có nhu cầu nhập hàng thì sẽ báo trước cho Công ty B thông qua Email hoặc Zalo của người hỗ trợ đặt hàng của Công ty B. Sau khi xác định số lượng hàng và thời gian nhận hàng, Công ty B sẽ chuẩn bị đủ số hàng tại kho của Công ty B, Công ty V chủ động cho nhân viên qua nhận hàng và ký nhận vào Phiếu xuất kho.

- Thời hạn thanh toán: Sau khi Công ty B xuất hoá đơn giá trị gia tăng đối với hàng hóa đã nhận, gửi qua thư điện tử (Email) và Zalo cho người đại diện liên hệ từ Công ty V thì Công ty V sẽ thanh toán số tiền đó cho Công ty B. Trong nhiều lần mua bán hàng hóa, hai bên đều giao nhận hàng và thanh toán tiền đúng thời hạn, không có bất kỳ tranh chấp nào. Nhưng từ ngày 19/01/2021, sau khi Công ty V đến nhận hàng, Công ty B đã thực hiện gửi hóa đơn điện tử, phiếu xuất hàng đến Công ty V và đề nghị thanh toán nhưng Công ty V đã không thanh toán như thường lệ mà xin thanh toán vào đợt mua hàng tiếp theo. Vì trước đây Công ty V luôn thanh toán đúng hạn nên Công ty B hoàn toàn tin tưởng, chấp nhận cho Công ty V thanh toán vào các đợt mua hàng tiếp theo. Tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 14/10/2021, Công ty V đã mua hàng của Công ty B tổng cộng 03 lần, tổng giá trị đơn hàng (đã bao gồm VAT) trị giá số hàng đã nhận là 325.292.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) và chỉ thanh toán cho Công ty B 04 đợt với tổng số tiền đã thanh toán là 72.820.000 đồng (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Ngày 05/04/2022 thanh toán số tiền là: 35.860.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng);

+ Đợt 2: Ngày 19/04/2023 thanh toán số tiền là: 16.960.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng);

+ Đợt 3: Ngày 09/06/2023 thanh toán số tiền là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

+ Đợt 4: Ngày 01/08/2023 thanh toán số tiền là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

Số tiền còn lại là 252.472.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng), đến nay Công ty V vẫn chưa tiến hành thanh toán cho Công ty B. Công ty B đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu phía Công ty V tiến hành thanh toán công nợ cho Công ty B nhưng Công ty V vẫn cố tình không thanh toán. Vì vậy, việc cố tình không trả nợ của Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019:

“Điều 55. Thời hạn thanh toán

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá”

Hơn nữa căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019 và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định về lãi suất đối với số tiền chậm:

“Điều 11. Xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Nay Công ty B yêu cầu Công ty V phải thanh toán một lần và đầy đủ số tiền 267.412.809 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn tám trăm lẻ chín đồng), bao gồm:

-Tiền gốc: 252.472.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng);

- Tiền lãi phát sinh trên tiền gốc chậm trả từ ngày 20/12/2023 đến ngày tạm tính là ngày 20/06/2024: 14.940.809 đồng (Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ chín đồng).

Hiện nay, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay của 03 ngân hàng gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trên 12%/năm. Tuy nhiên, trên tinh thần thiện chí, Công ty B chỉ yêu cầu mức lãi suất trên nợ quá hạn là 12%/năm. Do vậy, ngoài số tiền hàng đang nợ thì Công ty V còn phải trả thêm số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình. Mức lãi suất sẽ căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019.

Theo đó, tiền lãi chậm trả từ ngày 20/12/2023 đến ngày Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm (tạm tính là ngày 20/06/2024) là: $252.472.000 \times 12\%/1 \text{ năm} \times 180/365 \text{ (ngày)} = 14.940.809 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ chín đồng).

Bị đơn Công ty V, đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà là Giám đốc của Công ty V, việc mua bán hàng hóa là bằng keo với Công ty B từ năm 2016 đến ngày bị kiện. Quá trình mua bán giao nhận thì năm 2018 có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty B thời hạn 01 năm, hết một năm thì không ký lại, việc ký hợp đồng và giao nhận hàng hóa đều thông qua một người đại diện Công ty bên Phòng SALE, khi hàng hóa bằng keo của Công ty B mà Công ty V nhận về gia công không đạt chất lượng, bà có báo với phòng Sale là người đại diện Công ty B mà Công ty bà liên hệ mua hàng, từ khi ký hợp đồng đến năm 2020 đều không có vấn đề về chất lượng, Công ty V mua hàng và thanh toán đầy đủ. Đến năm 2021 thì trong các lô hàng mua từ Công ty B có một số lô bị lỗi, kém chất lượng thì bà cũng báo với nhân viên Sale bằng hình thức Zalo chứ không bằng văn bản cụ thể. Năm 2022 và 2023 cũng có các lô hàng bị lỗi nhưng bên Sale đại diện Công ty B nhận thông tin nhưng không giải quyết những lô hàng bị lỗi bằng hình thức đổi hay bồi thường nào cả. Vì cần nhu cầu mặt hàng bằng keo để gia công cho khách hàng nên bà cũng tiếp tục mua hàng của Công ty B. Nay Công ty B khởi kiện công ty của bà thì bà yêu cầu:

Về công nợ giữa Công ty B với Công ty V qua đối chiếu chênh lệch 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), bà không đồng ý. Số tiền nợ Công ty B đưa ra là 252.472.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng), còn Công ty V chỉ còn nợ 251.372.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Về thiệt hại của Công ty V trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 thì phía Công ty bị thiệt hại như: Không bán sản phẩm cho các Công ty khác, mất khách hàng, không làm được OPP, hàng bị tồn kho, tồn nguyên liệu, tồn điện ảnh hưởng đến Công ty V. Nay Công ty V yêu cầu Công ty B bồi thường tổn thất 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty B tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty V thanh toán cho Công ty B số tiền 251.372.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và lãi suất chậm trả là từ ngày 20/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh C trình bày:

Ông là nhân viên kinh doanh của Công ty B, ông được Công ty giao nhiệm vụ làm việc với Công ty V từ đầu năm 2024. Từ lúc phụ trách liên hệ làm việc với Công ty V thì ông có mang giấy xác nhận nợ đến Công ty V thì phía Công ty V không đồng ý ký do chênh lệch số tiền. Đến nay, ông chưa nhận được bất kỳ thông báo của Công ty V khiếu nại về vấn đề chất lượng sản phẩm. Vì mong muốn phục vụ khách hàng, khi Công ty V muốn đổi sản phẩm có số lô khác thì Công ty B vẫn đồng ý đổi với điều kiện sản phẩm vẫn còn nguyên đai nguyên kiện. Việc đổi hàng không đồng nghĩa là sản phẩm kém chất lượng và cũng không phải là một khiếu nại về chất lượng sản phẩm. Công ty B có giấy chứng nhận đạt ISO 9001:2015. Mỗi lô sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng, chỉ khi đáp ứng các thông số kỹ thuật của sản phẩm thì mới được xuất bán... Mỗi lô sản phẩm đều có giấy kiểm tra chất lượng sản phẩm COA. Khi sản phẩm của khách hàng có vấn đề thì có thể do quá trình sản xuất của họ có vấn đề hoặc máy móc hoặc do nguyên nhân khách quan khác chứ không thể do sản phẩm keo của Công ty B.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2024/KDTM-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền là 273.189.712 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Trong đó: Nợ gốc là 251.347.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) và tiền lãi là 21.817.712 đồng (hai mươi một triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Công ty Cổ phần V có quyền khởi kiện Công ty TNHH B về yêu cầu bồi thường trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2024, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm đã không khách quan, không xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày: Bà H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày bà kháng cáo vì cho rằng cấp sơ thẩm đã không xem xét yêu cầu phản tố của bà đã nộp cho tòa vào ngày 21/8/2024. Mặt khác, bà cũng không đồng ý nội dung bản án sơ thẩm buộc Công ty V thanh toán lãi vì các bên không có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Ngoài ra, giữa hai công ty chưa thống nhất số tiền thanh toán bởi lẽ Công ty V đang yêu cầu Công ty B bồi thường số hàng giao bị lỗi để thực hiện việc cản trừ nợ. Đây là nguyên nhân mà Công ty V chưa thanh toán tiền nên không có căn cứ để xác định công ty đã vi phạm thời hạn thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật. Ngày 20/12/2023, phía nguyên đơn đã gửi thông báo cho bị đơn về số tiền phải thanh toán. Việc gửi thể hiện bằng phiếu báo phát bưu điện có nhân viên của Công ty V ký nhận. Các bên không có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán trong hợp đồng nên nguyên đơn chỉ đề nghị thanh toán lãi chậm trả từ ngày 20/12/2023 là ngày nguyên đơn gửi thông báo cho bị đơn về việc thanh toán tiền theo lãi suất là 12%/năm. Tại phiên tòa, phía bị đơn không thừa nhận việc nhận được thông báo ngày 20/12/2023 và chỉ xác nhận biết được nguyên đơn đòi nợ từ ngày 10/7/2024 là ngày bị đơn có bản trình bày ý kiến gửi tòa án. Nguyên đơn cũng đồng ý điều chỉnh yêu cầu tính lãi theo ý kiến của bị đơn, số tiền tính lãi từ ngày 11/7/2024 đến ngày 09/9/2024 là ngày xét xử sơ thẩm hơn 5 triệu đồng. Nguyên đơn ghi nhận phân tích của Hội đồng xét xử, chỉ đề nghị bị đơn thanh toán lãi chậm trả là 5.000.000 (năm triệu đồng). Ngoài ra, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giảm số tiền lãi của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Bản án số 49/2024/KDTM-ST. Ngày 19/9/2024, bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của Công ty Cổ phần V là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá đối với bị đơn là Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V), địa chỉ tại số huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo về việc cấp sơ thẩm không xem xét đơn phản tố và buộc bị đơn thanh toán lãi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tòa án nhân dân huyện H thụ lý đơn khởi kiện của Công ty B từ ngày 21/02/2024. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo cho bị đơn là Công ty V. Ngày 10/7/2024, Công ty V đã có bản trình bày xác nhận số nợ (có chênh lệch giảm số tiền khoảng 1 triệu đồng so với yêu cầu của nguyên đơn) đồng thời trình bày những thiệt hại của bị đơn về việc giao hàng không đúng chất lượng của nguyên đơn. Ngày 16/7/2024, Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng đến ngày 21/8/2024 Công ty V mới nộp đơn yêu cầu phản tố là đã quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng có ghi nhận trong bản án dành cho Công ty V quyền khởi kiện bằng một vụ án khác là đúng quy định pháp luật.

Như đã phân tích, Công ty V đã xác nhận số nợ là 251.372.000 (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Mặc dù các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nhưng căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Thương mại thì bên mua phải thanh toán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn, giao hàng cho bị đơn. Phía bị đơn cho rằng đến ngày 10/7/2024 mới biết được về thông báo thanh toán hàng và nguyên đơn cũng chấp nhận tính thời gian chậm thanh toán từ ngày 11/7/2024 là có lợi cho bị đơn. Số tiền lãi 5.000.000 (năm triệu đồng) thấp hơn số tiền lãi tính theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa một phần bản sơ thẩm về số

tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý thanh toán lãi cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm tuyên tại phần quyết định nội dung “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” là chưa chính xác. Cần phải quy định mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại do quan hệ tranh chấp được xác định là Kinh doanh thương mại. Đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng bác kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo sự tự nguyện giảm số tiền lãi của nguyên đơn cho bị đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nên án phí cũng được tính lại tương ứng như sau:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $251.372.000 + 5.000.000 = 256.372.000$ đồng. Án phí bị đơn phải chịu là 12.818.600 (mười hai triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng).

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 24, 34, 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Công ty Cổ phần V, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2024/KDTM-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền là 256.372.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

Trong đó: Nợ gốc là 251.372.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/9/2024, Công ty Cổ phần Vc còn phải phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Công ty Cổ phần V có quyền khởi kiện Công ty TNHH B về yêu cầu bồi thường trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần V phải chịu 12.818.600 đồng (mười hai triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.765.948 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024038 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042577 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai